

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N, TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/HS-ST
Ngày 11 - 7 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đàm Văn Kiều

2. Ông Đào Văn Rạng

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N tham gia phiên tòa:
Ông Hà Viết Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2019/TLST-HS ngày 29/5/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-HS ngày 27/6/2019 đối với bị cáo:

Trần Văn L - Sinh năm 1996, tại tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 10, thị trấn R, huyện N, tỉnh N; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 7/12; giới tính: Nam; con ông Trần Văn H sinh năm 1968 và bà Đỗ Thị D sinh năm 1966, cả hai hiện đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 10 thị trấn R, huyện N, tỉnh N; vợ, con: Không

Tiền sự, tiền án: Không

Bị cáo Trần Văn L bị tạm giữ từ ngày 14/4/2019 đến ngày 23/4/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

+ Người bị hại: Chị Trần Thị V - Sinh năm 1983

Nơi cư trú: Đội 8, xã N, huyện N, tỉnh N.

+ Người làm chứng:

1. Bà Khương Thị Th - Sinh năm 1950

Nơi cư trú: Tổ dân phố 10, thị trấn R, huyện N, tỉnh N.

2. Ông Hoàng Huy Tr - Sinh năm 1967

Nơi cư trú: Xóm 5, xã N, huyện N, tỉnh N.

3. Ông Phạm văn K - Sinh năm 1962

Nơi cư trú: Tổ dân phố 1, thị trấn R, huyện N, tỉnh N.

Tại phiên toà có mặt bị cáo; vắng mặt bị hại và những người làm chứng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 21/3/2019, Trần Văn L đến nhà bà Khương Thị Th chơi. Trần Văn L biết bà Th vừa gửi 01 phong bì tiền qua xe buýt số 03 từ Công Bơm, thuộc tổ dân phố 1 thị trấn R lên thành phố N cho chồng là ông Đới Văn Ch đang chữa bệnh cho con trai tại Bệnh viện đã khoa tỉnh N. Lúc này L nhìn thấy 01 tờ cáp xe buýt tuyến số 03 trên tờ cáp có ghi số điện thoại 0852.174.112 và biển số xe 29B-019.53 của chị Trần Thị V là nhân viên bán vé xe buýt để ở trên bàn nhà bà Th, L nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền bà Th gửi cho ông Ch. Sau đó, L sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng có số điện thoại 0585.658.491 gọi đến số điện thoại 0852.174.112 của chị V là nhân viên bán vé xe buýt, L giới thiệu L là người nhà của ông Ch và hẹn chị V chuyển tiền gửi lại phòng điều hành của bến xe thị trấn L, huyện N, tỉnh N. Thấy vậy chị V tưởng thật, khoảng 14 giờ 20 phút cùng ngày khi xe buýt đi đến bến xe thị trấn L, chị V đã vào gửi lại chiếc phong bì tiền mà bà Th gửi chị V lên thành phố N cho nhân viên phòng điều hành của bến xe thị trấn L. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 21/3/2019, L đến gặp nhân viên phòng điều hành bến xe thị trấn L lấy chiếc phong bì tiền. Sau đó L bóc phong bì ra đếm được số tiền 4.180.000 đồng, L đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Ngày 14/4/2019 Trần Văn L đến Công an huyện Ngđầu thú. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N thu giữ của Trần Văn L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng đã qua sử dụng có gắn số điện thoại 0582.740.309, còn số sim 0585.658.491 L đã làm mất. Thu giữ của bà Khương Thị Th 01 tờ cáp xe buýt tuyến số 03, trên tờ cáp có ghi số điện thoại 0852.174.112 và biển số xe 29B-01953. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Trần Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số: 36/CT-VKS ngày 27/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Trần Văn L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo như tội danh và điều luật đã nêu. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm

tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 65 của Bộ luật Hình sự: xử phạt Trần Văn L từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm đến 01 năm 06 tháng; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự để tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng đã qua sử dụng, lắp sim số 0582.740.309 và tịch thu tiêu huỷ 01 tờ cáp xe buýt tuyến số 03 Nam Định, Liễu Đề, Rạng Đông, trên tờ cáp có ghi số điện thoại 0852.174.112 và biển số xe 29B-01953; đề nghị áp dụng Điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay qua xét hỏi và tranh luận bị cáo Trần Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo nói lời sau cùng đã thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người bị hại, người làm chứng không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, những người làm chứng và các tài liệu đã được xác lập có trong hồ sơ vụ án cũng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo ra trước phiên toà hôm nay. Như vậy đã đủ cơ sở xác định: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 21/3/2019, tại bến xe khách thị trấn L huyện N, Trần Văn L có hành vi gian dối chiếm đoạt của chị Trần Thị V số tiền 4.180.000 đồng. Hành vi bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác. Đối chiếu với quy định của pháp luật, thấy đủ cơ sở kết luận bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự

trị an, an toàn xã hội, gây nên dư luận xấu trong nhân dân ở khu vực. Việc đưa bị cáo ra xét xử công khai, xử lý nghiêm là cần thiết nhằm góp phần vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm.

[3] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra sau khi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú và tác động gia đình bồi thường cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần không thiết phải cách ly bị cáo để tập trung cải tạo mà để bị cáo cải tạo tại địa phương cũng có thể cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là người có điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại đầy đủ tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì khác nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Bà Khương Thị Th đã được chị Trần Thị V thanh toán xong số tiền gửi và bà Th không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Đối với chiếc sim điện thoại số 0585.658.491 mà Trần Văn L đã sử dụng vào việc phạm tội nhưng L đã đánh mất không xác định được địa điểm cụ thể, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nghĩa Hưng không truy tìm được. Đối chiếc điện thoại di động Iphone 5 màu trắng mà L đã sử dụng vào việc phạm tội và chiếc sim số 0582.740.309 gắn vào chiếc điện thoại di động đã thu giữ của L, tuy chiếc sim này L không sử dụng vào việc phạm tội nhưng tại phiên tòa L không yêu cầu lấy lại nên cần tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước chiếc điện thoại cùng chiếc sim là phù hợp.

Đối với 01 tờ cáp xe buýt tuyến số 03 N, L, R, kích thước 8,5x5cm, trên tờ cáp có ghi số điện thoại 0852.174.112 và biển số xe ô tô 29B-01953 thu giữ của bà Khương Thị Th, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Trần Văn L 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án, ngày 11/7/2019. (Bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 14/4/2019 đến ngày 23/4/2019).

Giao bị cáo Trần Văn L cho Ủy ban nhân dân thị trấn R, huyện N, tỉnh N nơi cư trú của bị cáo giám sát giáo dục. Trong trường hợp bị cáo Trần Văn L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

+ Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng đã qua sử dụng, lắp sim số 0582.740.309.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 tờ cáp xe buýt tuyến số 03 N, L, R, kích thước 8,5x5cm, trên tờ cáp có ghi số điện thoại 0852.174.112 và biển số xe ô tô 29B-01953.

Toàn bộ vật chứng của vụ án đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N lập ngày 25/6/2019.

4. Về án phí: Căn cứ vào 135; 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Trần Văn L phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Án xử công khai có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại. Báo cho người có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án và người được thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ TẮM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh N;
- VKSND. H N;
- Trại giam + CA;
- UBND TT R;
- Thi hành án Phạt tù;
- Chi cục THADS H N;
- Án văn + lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng